CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /TTr-HĐQT	*Phú Thọ, ngày 28 tháng 04 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 14;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 14 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2021 đã được kiểm toán bởi *Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;*
- Báo cáo tài chính riêng của Công ty năm 2021 đã được kiểm toán bởi *Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;*

Các báo cáo tài chính nêu trên đã được Ban kiểm soát Công ty tiến hành thẩm tra và Hội đồng quản trị Công ty công bố công khai theo quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính năm 2021 (Riêng và Hợp nhất) đã được kiểm toán bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021.

Nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần LICOGI 14 đã được công bố thông tin theo quy định tại website: www.licogi14.vn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

PHẠM GIA LÝ

HUỲNH THÀNH HẬU

Digitally signed by HUỲNH THÀNH HẬU
DN: c=VN, st=NGHỆ AN, l=Cửa Lò, cn=HUỲNH THÀNH HẬU, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:131104470
Date: 2022.04.29 08:22:21 +07'00'

TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Số 01 /BC- CTy LICOGI 14

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt trì, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/V Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 14 được đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 30 tháng 08 năm 2005 và Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 04 năm 2021 thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14 đã được kiểm toán.

Kính thưa quý cổ đông!

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt. Tài liệu báo cáo kiểm toán đã được gửi thư cho quý cổ đông, do đó Hội đồng quản trị xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính năm 2021 HN tóm tắt như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
I	**Tài sản ngắn hạn**	**1.098.091.763.254**	**457.803.101.342**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	84.813.423.554	96.779.627.586
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn(tiền gửi các NH)	745.852.612.365	208.660.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	143.371.671.386	40.754.455.563
4	Hàng tồn kho	122.767.345.270	111.396.696.854
5	Tài sản khác	1.286.710.679	212.321.339
II	**Tài sản dài hạn**	**64.649.505.489**	**53.368.454.364**
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.115.069.000	1.115.069.000
2	* Tài sản cố định hữu hình	21.332.210.009	10.757.860.997
	Nguyên giá	98.271.259.491	91.325.773.031
	Giá trị hao mòn	(76.939.049.482)	(80.567.912.034)
3	* Tài sản cố định vô hình	5.925.074.809	1.601.962.294
	Nguyên giá	7.414.636.798	2.694.418.201
	Giá trị hao mòn	(1.489.561.989)	(1.092.455.907)
4	Bất động sản đầu tư	26.413.441.441	27.064.508.809
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.354.896.755	2.997.446.615
6	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn(tiền gửi các ngân hàng)		
7	Tài sản dài hạn khác	7.508.813.475	9.831.606.649
	Tổng cộng tài sản (= I + II)	**1.162.741.268.743**	**511.171.555.706**
III	**Nợ phải trả**	**409.589.550.449**	**164.467.766.638**
1	Nợ ngắn hạn	401.865.470.449	162.817.766.638
2	Nợ dài hạn	7.724.080.000	1.650.000.000
IV	**Vốn chủ sở hữu**	**753.151.718.294**	**346.703.789.068**
1	Vốn góp của Chủ sở hữu	268.348.410.000	243.955.670.000
2	Thặng dư vốn cổ phần		
3	Quỹ Đầu tư phát triển	51.658.303.667	38.486.876.536
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	225.822.054.055	62.035.312.688
5	Cổ phiếu quỹ	(2.000.000)	(2.000.000)
6	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	207.324.950.572	2.227.929.844
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	Tổng Cộng nguồn vốn (= III + IV)	1.162.741.268.743	511.171.555.706

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
1	**Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ**	**166.677.481.375**	**116.784.692.407**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doan thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.677.481.375	116.784.692.407
4	**Giá vốn hàng bán**	**91.772.784.434**	**68.605.171.333**
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**74.904.696.941**	**48.179.521.074**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	397.555.490.313	17.588.140.395
7	Chi phí tài chính	10.649.009.478	375.906.842
8	Chi phí bán hàng	21.572.606.391	15.288.949.047
9	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	7.190.157.538	9.467.661.604
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**433.048.413.847**	**40.635.143.976**
11	Thu nhập khác	376.777.890	337.702.364
12	Chi phí khác	767.786.649	102.915.564
13	**Lợi nhuận khác**	**(391.008.759)**	**234.786.800**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**432.657.405.088**	**40.869.930.776**
15	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	60.709.528.742	5.766.718.488
16	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp**	**371.947.876.346**	**35.103.212.288**
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.103	1.460

III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	- Vòng quay hàng tồn kho: giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ	vòng	0,78	0,60
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	14,33	22,85
2	**Cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,35	0,32
	Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	lần	0,54	0,47
3	**Khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	2,73	2,81
	Hệ số thanh toán nhanh:(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	2,43	2,13
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	31,99	6,87
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	223,15	30,06
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	49,39	10,12
	- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động KD / Doanh thu thuần	%	259,81	34,79

Kính trình đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: Thư ký HĐQT, BKS